

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện “Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình GDMN và GDPT giai đoạn 2021-2025” và nhu cầu đầu tư tăng cường cơ sở vật chất cho giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn xã Đắk Kôi

Thực hiện Công văn số 553/SGDDĐT-TC ngày 14/8/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc báo cáo tình hình thực hiện Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình GDMN và GDPT giai đoạn 2021-2025; hiện trạng và nhu cầu đầu tư tăng cường cơ sở vật chất cho giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2026-2030.

Ủy ban nhân dân xã Đắk Kôi báo cáo kết quả thực hiện “Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình GDMN và GDPT giai đoạn 2021-2025” và nhu cầu đầu tư tăng cường cơ sở vật chất cho giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN “ĐỀ ÁN BẢO ĐẢM CƠ SỞ VẬT CHẤT CHO CHƯƠNG TRÌNH GDMN VÀ GDPT GIAI ĐOẠN 2021-2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI” TRÊN ĐỊA BÀN XÃ ĐẮK KÔI

1. Kết quả đạt được

1.1. Đối với giáo dục mầm non: Tổng kinh phí đầu tư cho cấp Mầm non trong giai đoạn 2021-2025 là 4.222.463.123 VNĐ.

a) Xây dựng và cải tạo

Trong giai đoạn 2021-2025, các đơn vị trường mầm non trên địa bàn xã Đắk Kôi đã được đầu tư các hạng mục xây dựng, cải tạo và sửa chữa, như sau:

- Xây mới: 01 công trình vệ sinh; 01 dãy phòng Hiệu bộ; 01 phòng học; 03 sân bê tông, tường rào tại các điểm trường thôn;

- Sửa chữa: 04 phòng học tại các điểm trường thôn.

- Tổng kinh phí: 3,948,526,124, trong đó: ngân sách tỉnh Kon Tum (cũ): 679,656,000 VNĐ; Ngân sách huyện Kon Rẫy (cũ): 3,268,870,124 VNĐ.

b) Mua sắm thiết bị

- Thiết bị dạy học: Mua sắm tivi 65 inch, thiết bị dạy học tối thiểu cho các nhóm trẻ, đồ chơi ngoài trời và các thiết bị dùng chung khác

- Các loại thiết bị khác: thiết bị cho các phòng làm việc.

- Nguồn kinh phí thực hiện: Tổng kinh phí cho việc mua sắm thiết bị là 294,116,999 VNĐ từ nguồn ngân sách huyện Kon Rẫy (cũ).

1.2. Đối với giáo dục tiểu học: Tổng kinh phí đầu tư cho cấp tiểu học trong giai đoạn 2021-2025 là 5,877,161,298 VNĐ.

a) Xây dựng và cải tạo

- Xây mới: 01 công trình vệ sinh; 02 phòng học bộ môn; dãy phòng học.

- Tổng kinh phí: 2,053,798,000 VNĐ, trong đó: ngân sách huyện Kon Rẫy (cũ): 1,095,798,000 VNĐ và xã hội hóa: 958,000,000 VNĐ.

b) Mua sắm thiết bị

- Thiết bị dạy học: thiết bị dạy học tối thiểu cho lớp 1 đến lớp 5; máy tính bảng; phòng tin học và các thiết bị dùng chung khác.

- Các loại thiết bị khác: thiết bị cho các phòng làm việc.

- Nguồn kinh phí thực hiện: Tổng kinh phí cho việc mua sắm thiết bị là 3,823,363,298 VNĐ, trong đó: ngân sách tỉnh Kon Tum (cũ): 2,949,401,298 VNĐ và từ nguồn ngân sách huyện: 873,962,000 VNĐ.

1.3. Đối với giáo dục trung học cơ sở: Tổng kinh phí đầu tư cho cấp tiểu học trong giai đoạn 2021-2025 là 7,446,649,323 VNĐ.

a) Xây dựng và cải tạo

- Xây mới: 04 phòng bộ môn; hệ thống cấp nước sinh hoạt;

- Sửa chữa: dãy phòng học bộ môn; phòng ở cho học sinh bán trú;

- Tổng kinh phí: 4,447,000,000 VNĐ, từ ngân sách huyện Kon Rẫy (cũ).

b) Mua sắm thiết bị

- Thiết bị dạy học: thiết bị dạy học tối thiểu cho lớp 6; máy tính bảng; phòng tin học; các thiết bị dùng chung khác.

- Các loại thiết bị khác: thiết bị cho các phòng làm việc.

- Nguồn kinh phí thực hiện: Tổng kinh phí cho việc mua sắm thiết bị là 2,999,649,323 VNĐ, trong đó: ngân sách tỉnh Kon Tum (cũ): 1,870,084,323 VNĐ và từ nguồn ngân sách huyện Kon Rẫy (cũ): 1,129,565,000 VNĐ.

2. Những tồn tại, khó khăn, vướng mắc

- Về kinh phí: Nguồn kinh phí chi thường xuyên hàng năm còn hạn chế, chưa đáp ứng nhu cầu mua sắm, sửa chữa, bảo trì, bổ sung cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng dạy học.

- Về cơ sở vật chất: Nhiều phòng chức năng chưa có phòng riêng, còn sử dụng tạm phòng học.

- Về trang thiết bị dạy học: Trang thiết bị dạy học đã được cấp từ lâu, hư hỏng hầu hết và không còn phù hợp với Chương trình giáo dục PT 2018. Một số đơn vị đã được cấp một số thiết bị dạy học tối thiểu nhưng vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu.

3. Đề xuất, kiến nghị: Bổ sung thiết bị dạy học để đáp ứng yêu cầu tối thiểu của chương trình GDPT 2018 theo thứ tự các danh mục ưu tiên và lộ trình thực hiện.

II. ĐỀ XUẤT NHU CẦU ĐẦU TƯ TĂNG CƯỜNG CƠ SỞ VẬT CHẤT CHO GIÁO DỤC MẦM NON VÀ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG GIAI ĐOẠN 2026-2030 TRÊN ĐỊA BÀN

1. Hiện trạng cơ sở vật chất trường lớp học, trang thiết bị phục vụ dạy học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn

1.1. Đối với giáo dục mầm non

Trên địa bàn xã hiện nay có 02 trường mầm non, hiện trạng cơ sở vật chất trường lớp học đáp ứng cơ bản công tác nuôi dạy trẻ. Tuy nhiên tỷ lệ các phòng bán kiên cố còn nhiều; tỷ lệ trang thiết bị dạy học chưa cao:

- Tổng số phòng học 21, trong đó: kiên cố 08 (tỷ lệ 38%), bán kiên cố 13 (tỷ lệ 38%).

- Thiết bị dạy học: 15 bộ nhưng đã hư hỏng nhiều, chưa đáp ứng công tác dạy và học; thiết bị ngoài trời: 07 bộ, cơ bản đáp ứng 50% nhu cầu dạy và học.

1.2. Đối với giáo dục tiểu học

Trên địa bàn xã hiện nay có 02 trường tiểu học, hiện trạng cơ sở vật chất trường lớp học mới đáp ứng cơ bản công tác dạy và học, tỷ lệ các phòng bán kiên cố còn nhiều, tỷ lệ trang thiết bị dạy học chưa cao:

- Tổng số phòng học 44, trong đó: kiên cố 2 (tỷ lệ 05%), bán kiên cố 42 (tỷ lệ 95%).

- Thiết bị dạy học từ lớp 1 đến lớp 5: 26 bộ, đáp ứng khoảng 80% công tác dạy và học.

1.3. Đối với giáo dục trung học cơ sở

Trên địa bàn xã hiện nay có 02 trường cấp THCS, hiện trạng cơ sở vật chất trường lớp học đáp ứng cơ bản công tác dạy và học. Tuy nhiên tỷ lệ các phòng bán kiên cố còn nhiều, tỷ lệ trang thiết bị dạy học chưa cao:

- Tổng số phòng học 18, trong đó: kiên cố 6 (tỷ lệ 33,3%), bán kiên cố 12 (tỷ lệ 66,7%).

- Thiết bị dạy học từ lớp 6 đến lớp 9: Hiện nay chưa được cấp bổ sung theo chương trình GDPT 2018.

2. Đề xuất nhu cầu đầu tư tăng cường cơ sở vật chất cho giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn

2.1. Mục tiêu chung

Tăng cường cơ sở vật chất cho giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2026 - 2030 để kiên cố hoá trường học, xoá phòng học tạm, xây dựng trường chuẩn quốc gia và bảo đảm đầy đủ phòng học và cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học tối thiểu, nhất là ở các vùng nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo, phấn đấu đến năm 2030 tỷ lệ phòng học được kiên cố hoá đạt 100% trên địa bàn xã.

2.2. Mục tiêu cụ thể

a) Đối với giáo dục mầm non

** Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em:*

- Phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em: Xây dựng mới, cải tạo nâng cấp 16 phòng học thay thế các phòng học tạm thời (bao gồm: phòng học đã hết niên hạn sử dụng, đang xuống cấp, cần xây dựng lại).

- Phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật: Xây dựng mới, cải tạo nâng cấp 02 phòng giáo dục thể chất; Xây dựng mới, cải tạo nâng cấp 02 giáo dục nghệ thuật.

- Sân chơi: Xây dựng mới, cải tạo nâng cấp 04 sân chơi.

- Thư viện: Xây dựng mới, cải tạo nâng cấp 02 thư viện.

- Phòng làm quen tin học, ngoại ngữ: Xây dựng mới, cải tạo nâng cấp 02 phòng làm quen ngoại ngữ, tin học.

** Khối phòng tổ chức ăn:* Xây dựng mới, cải tạo 02 nhà bếp; Xây dựng mới, cải tạo 02 kho bếp.

** Khối phòng hành chính quản trị:* Xây dựng, cải tạo 14 phòng, gồm: Phòng Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, văn phòng, phòng nhân viên, phòng bảo vệ, khu vệ sinh, khu nhà xe cho giáo viên và nhân viên.

** Khối phụ trợ:* Xây dựng, cải tạo 08 hạng mục, gồm: phòng y tế; nhà kho, sân vườn, cổng và tường rào.

** Hạ tầng kỹ thuật:* Xây mới, cải tạo 23 hạng mục, gồm: Hệ thống cấp nước sạch; Hệ thống phòng cháy, chữa cháy (cả điểm chính và các điểm lẻ).

** Mua sắm thiết bị:* Mua sắm bổ sung: 19 bộ đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non các nhóm trẻ; 12 bộ thiết bị và đồ chơi ngoài trời; 16 bộ thiết bị dùng chung, gồm: máy vi tính, thiết bị âm thanh...

b) Đối với giáo dục tiểu học

** Khối phòng học tập:*

- Phòng học: Xây dựng, cải tạo 20 phòng học thay thế các phòng học đã hết niên hạn sử dụng, đang xuống cấp, cần xây dựng lại.

- Phòng học bộ môn: Xây dựng, cải tạo 09 phòng học bộ môn, gồm: môn Âm nhạc, Mỹ thuật, Khoa học-Công nghệ, Tự nhiên và xã hội, Tin học, Ngoại ngữ ...

** Khối phòng hỗ trợ học tập:* Xây dựng, cải tạo 10 phòng, gồm: Thư viện, Phòng thiết bị giáo dục, Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập, Phòng truyền thống, Phòng Đội Thiếu niên.

** Khối phòng hành chính quản trị:* Xây dựng, cải tạo 15 phòng, gồm: Phòng Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, văn phòng, phòng nhân viên, phòng bảo vệ, khu vệ sinh, khu nhà xe cho giáo viên và nhân viên.

** Khối phụ trợ:* Xây dựng, cải tạo 25 hạng mục, gồm: Phòng họp, Phòng nghỉ giáo viên, Phòng giáo viên, Phòng y tế trường học, Khu để xe học sinh, Cổng, hàng rào...

** Khu sân chơi, thể dục thể thao:* Xây dựng, cải tạo 10 hạng mục (cả điểm chính và các điểm lẻ).

** Khối phục vụ sinh hoạt:* Xây dựng, cải tạo 17 hạng mục, gồm: nhà bếp, kho bếp, nhà ăn, nhà ở nội trú, phòng quản lý học sinh.

** Hạ tầng kỹ thuật:* Xây mới, cải tạo 05 hạng mục, gồm: Hệ thống cấp nước sạch 02; Hệ thống phòng cháy, chữa cháy 03

** Mua sắm thiết bị:* Mua sắm bổ sung: 53 bộ thiết bị dạy học tối thiểu lớp 1 đến lớp 5; 157 bộ thiết bị chuyên dùng, dùng chung; 205 bộ bàn ghế học sinh.

c) Đối với giáo dục trung học cơ sở

** Khối Phòng học tập:*

- Phòng học: Xây dựng, cải tạo 18 phòng học thay thế các phòng học đã hết niên hạn sử dụng, đang xuống cấp, phòng học tạm...

- Phòng học bộ môn: Xây dựng, cải tạo 10 phòng, gồm: Phòng học môn học Âm nhạc, Mỹ thuật, Công nghệ, Tin học, Ngoại ngữ, Vật lí, Hóa học, Sinh học, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Lịch sử, Địa lí.

** Khối phòng hỗ trợ học tập:* Xây dựng, cải tạo 09 phòng, gồm: Thư viện, Phòng thiết bị giáo dục, Phòng tư vấn học đường, Phòng truyền thống, phòng Đoàn Thanh niên...

** Khối phòng hành chính quản trị:* Xây dựng, cải tạo 13 phòng, gồm: phòng Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, văn phòng, phòng bảo vệ, khu vệ sinh giáo viên, cán bộ, nhân viên, khu để xe của giáo viên, cán bộ, nhân viên...

* *Khối phụ trợ*: Xây dựng, cải tạo 21 hạng mục, gồm: Phòng họp, Phòng các tổ chuyên môn, Phòng nghỉ giáo viên, Phòng giáo viên, Phòng y tế trường học, Khu để xe học sinh, Cổng, hàng rào...

* *Khu sân chơi, thể dục thể thao*: Xây dựng, cải tạo 03 hạng mục.

* *Khối phục vụ sinh hoạt*: Xây dựng, cải tạo 09 hạng mục, gồm: nhà bếp, kho bếp, nhà ăn, nhà ở nội trú, phòng quản lý học sinh, Nhà văn hóa (đối với trường có tổ chức nội trú).

* *Hạ tầng kỹ thuật*: Xây mới, cải tạo 02 hạng mục, gồm: Hệ thống phòng cháy, chữa cháy 02.

* *Mua sắm thiết bị*: Mua sắm bổ sung: 40 bộ thiết bị dạy học tối thiểu lớp 6 đến lớp 9; 99 bộ thiết bị chuyên dùng, dùng chung; 40 bộ bàn ghế học sinh.

(Chi tiết cụ thể nêu tại Phụ lục 2, 4 kèm theo)

III. Nguồn kinh phí thực hiện: Kinh phí thực hiện dự kiến từ Ngân sách Trung ương, tỉnh và địa phương.

Trên đây là báo cáo của UBND xã Đăk Kôi về tình hình thực hiện Đề án cơ sở vật chất cho chương trình GDMN và GDPT giai đoạn 2021-2025; hiện trạng và nhu cầu đầu tư tăng cường cơ sở vật chất cho giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn xã./.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT (báo cáo);
- Đ/c Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Các phòng: Văn hóa-Xã hội; Kinh tế;
- Các đơn vị trường;
- Lưu: VT, VHXXH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Minh Trí